TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thành Đồng
Ông Lê Thành Đông

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trung– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 340/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/7/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 330/2024/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Thạch Quế M, sinh năm 1997.
Địa chỉ: ấpZ, xã L, huyện B, tỉnh Long An.
2.Bị đơn: Anh Lê Văn Q, sinh năm 1991.
Địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện G, tỉnh Bến Tre.
(Chị M, anh Q vắng mặt, anh chị có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn chị Thạch Quế M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Q tự nguyện kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Anh chị chung sống đến đầu năm 2018 phát sinh mẫu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay tranh cãi, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn hạnh phúc. Vì vậy, chị xin được ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Lê Thị A, sinh ngày 21/10/2015. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Do bận đi làm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2024, bị đơn anh Lê Văn Q trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Q và chị M tự nguyện kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại xã Lương Hòa, thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị ly thân từ năm 2018 đến nay vì vậy anh đồng ý ly hôn với chị M.

- Về con chung: Anh đồng ý giao con chung tên Lê Thị A, sinh ngày 21/10/2015 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Chị M thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, anh Q chưa thực hiện đầy đủ tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt không lý do tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M. Về con chung: Đề nghị giao con chung tên Lê Thị A, sinh ngày 21/10/2015 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung cả hai trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, xin được nuôi con chung. Bị đơn anh Q cư trú tại xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị M, anh Q có yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh Q.

[2] Về hôn nhân: Theo bản chính Giấy chứng nhận kết hôn do chị M cung cấp thể hiện Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long

An chứng nhận kết hôn cho chị M và anh Q vào ngày 20/7/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị M trìn bày sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau, anh chị đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Hiện chị M xác định không còn tình cảm với anh Q nên xin được ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải để tạo điều kiện hàn gắn cho anh chị. Anh Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn được. Vào ngày 26/7/2024, Tòa án đến nhà lấy lời khai anh Q, anh Q trình bày thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị M.

Qua xác M tại nơi cư trú của anh Q thì địa phương không có thông tin về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai anh chị, địa phương không nhận được đơn yêu cầu hòa giải liên quan đến mâu thuẫn hôn nhân giữa anh chị.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân bền vững phải xuất phát từ sự tự nguyện và tình cảm thương yêu, mong muốn gắng bó từ cả vợ và chồng. Quá trình chung sống, chị M và anh Q bất đồng quan điểm trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm đến nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai mong muốn hàn gắn. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Lê Thị A, sinh ngày 21/10/2015. Chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung hiện do chị M trực tiếp nuôi dưỡng, con chung cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị M, anh Q cũng đồng ý giao con cho chị M nuôi nên yêu cầu của chị M có cơ sở để chấp nhận. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh anh Q cấp dưỡng nuôi con.

[4] Chị M và anh Q thống nhất tài sản chung, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Quế M, cụ thể tuyên:

[1] Về hôn nhân: Chị Thạch Quế M được ly hôn với anh Lê Văn Q.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị A, sinh ngày 21/10/2015 cho chị Thạch Quế M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ghi nhận chị Thạch Quế M không yêu cầu anh Lê Văn Q cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một, cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[4] Về án phí: Chị Thạch Quế M có nghĩa vụ nộp án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001614 ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Ghi nhận chị M đã nộp xong án phí.

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- UBND xã Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan